

Bản án số: **548/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 29/11/2021

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Liên

2. Ông Nguyễn Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Phương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 29 tháng 11 năm 2021 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 382/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 306/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/10/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Hà Kim L** – sinh năm 1971; Địa chỉ: 35/17 đường P, Phường A, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có mặt)

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Ngọc T** – sinh năm 1969; Địa chỉ: 35/17 đường P, Phường A, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Hà Kim L và ông Nguyễn Ngọc T tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 1994 có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 98/1994 ngày 05/11/1994 do Ủy ban nhân dân Phường A, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/11/1994.

Sau khi cưới cả hai về chung sống tại Phường A, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo bà L trình bày hai vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm về nhiều vấn đề trong cuộc sống, ông T không quan tâm chăm sóc đến gia đình dẫn đến vợ chồng hay xảy ra tranh cãi, mặc dù bà đã nhiều lần cố gắng chịu đựng và hòa giải nhưng không thu được kết quả. Cả hai đã sống ly thân được gần một năm. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, có sống chung cũng không hạnh phúc nên bà L xin ly hôn với ông T để mỗi người sớm ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Bà L khai cả hai có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hà V - sinh năm 1995 và Nguyễn Hà Tuyết N – sinh ngày 18/02/2006. Ly hôn, bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hà Tuyết N và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà L tự thỏa thuận với ông T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà L khai không có.

Bị đơn – ông Nguyễn Ngọc T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lên Tòa để trình bày ý kiến, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt, cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn - bà L giữ nguyên ý kiến và yêu cầu đã trình bày.

Bị đơn - ông T vắng mặt không có lý do cũng không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp*: Bà L có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông T. Đây là tranh chấp về ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông T đang cư ngụ tại quận X, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân quận Tân Bình thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 98/1994 ngày 05/11/1994 do Ủy ban nhân dân Phường A, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì hôn nhân giữa bà L và ông T là hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án, ông T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào Điều 175, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[3] *Xét yêu cầu của đương sự*:

[3.1] *Về hôn nhân*: Bà L có yêu cầu ly hôn với ông T. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo bà L trình bày cuộc sống vợ chồng giữa bà và ông T có nhiều mâu thuẫn dẫn đến không hạnh phúc. Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông T đến Tòa để trình bày ý kiến và giải quyết vụ án nhưng ông T vắng mặt, cũng không có ý kiến gì gửi cho Tòa chứng tỏ sự thiếu thiện chí trong việc mong muốn giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhận thấy, cuộc sống vợ chồng của bà L và ông T không hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng không thể giải quyết, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L.

[3.2] *Về con chung*: Bà L khai cả hai có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hà V - sinh năm 1995 (đã trưởng thành) và Nguyễn Hà Tuyết N – sinh ngày 18/02/2006. Ly hôn, bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hà Tuyết N và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét trẻ N có nguyện vọng ở với mẹ, ông T không có ý kiến gì đối với yêu cầu này của bà L nên để đảm bảo cho sự phát triển ổn định của con Hội đồng xét xử giao con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, bà L không yêu cầu cấp dưỡng nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông T.

[3.3] *Về tài sản chung*: Bà L khai tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết, ông T vắng mặt không có ý kiến hay yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.4] *Về nợ chung*: Bà L khai không có, ông T vắng mặt không có ý kiến hay yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] *Về án phí*: Do yêu cầu ly hôn của nguyên đơn được Toà án chấp nhận nên căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 27/10/2020 thì bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 56, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 87, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 (kèm theo Danh mục án phí, lệ phí Tòa án).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, bà Hà Kim L:

- Về hôn nhân: Bà Hà Kim L được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc T.

- Về con chung: Cả hai có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hà V - sinh năm 1995 (đã trưởng thành) và Nguyễn Hà Tuyết N – sinh ngày 18/02/2006. Giao con chung Nguyễn Hà Tuyết N cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng; Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông T do bà L không yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Ông T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Bà L và gia đình không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc cá nhân tổ chức theo qui định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết;
- Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí:

Bà Hà Kim L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, được trừ toàn bộ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng mà bà L đã nộp theo biên lai số AA/2019/0069548 ngày 10/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình. Bà L không phải nộp thêm án phí.

3. Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại địa phương.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q.Tân Bình;
- UBND Phường A, Q.X (để ghi vào sổ hộ tịch đối với giấy CNKH số 98/1994 ngày 05/11/1994);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Văn Hiếu